**BÀI MỞ ĐẦU**

**Câu 1:** Sinh học 8 có nhiệm vụ là gì ?

**A.** Cung cấp những kiến thức cơ bản đặc điểm cấu tạo, chức năng của cơ thể người trong mối quan hệ với môi trường

**B.** Cung cấp những hiểu biết về phòng chống bệnh tật và rèn luyện thân thể

**C.** Làm sáng tỏ một số hiện tượng thực tế xảy ra trên cơ thể con người

**D.** Tất cả các phương án trên.

**Câu 2:** Loài động vật nào dưới đây có nhiều đặc điểm tương đồng với con người nhất ?

**A.** Cu li **B.** Khỉ đột **C.** Tinh tinh **D.** Đười ươi

**Câu 3:** Yếu tố nào dưới đây đóng vai trò cốt lõi, giúp con người bớt lệ thuộc vào thiên nhiên ?

**A.** Bộ não phát triển **B.** Lao động

**C.** Sống trên mặt đất **D.** Di chuyển bằng hai chân

**Câu 4:** Đặc điểm nào dưới đây xuất hiện ở cả người và mọi động vật có vú khác ?

**A.** Có chu kì kinh nguyệt từ 28 – 32 ngày **B.** Đi bằng hai chân

**C.** Nuôi con bằng sữa mẹ **D.** Xương mặt lớn hơn xương sọ

**Câu 5:** Đặc điểm nào dưới đây chỉ có ở người mà không có ở động vật khác ?

1. Biết dùng lửa để nấu chín thức ăn 2. Đi bằng hai chân

3. Có ngôn ngữ và tư duy trừu tượng 4. Răng phân hóa

5. Phần thân có hai khoang : khoang ngực và khoang bụng ngăn cách nhau bởi cơ hoành

**A.** 1, 3 **B.** 1, 2, 3 **C.** 2, 4, 5 **D.** 1, 3, 4

**Câu 6:** Con người là một trong những đại diện của

**A.** lớp Chim. **B.** lớp Lưỡng cư. **C.** lớp Bò sát. **D.** lớp Thú.

**Câu 7:** Con người khác với động vật có vú ở điểm nào sau đây ?

**A.** Có ngôn ngữ (tiếng nói và chữ viết)

**B.** Biết chế tạo công cụ lao động vào những mục đích nhất định

**C.** Biết tư duy **D.** Tất cả các phương án trên

**Câu 8:** Trong giới Động vật, loài sinh vật nào hiện đứng đầu về mặt tiến hóa ?

**A.** Con người **B.** Gôrila **C.** Đười ươi **D.** Vượn

**Câu 9:** Kiến thức về cơ thể người và vệ sinh có liên quan mật thiết với ngành nào dưới đây ?

**A.** Y học **B.** Tâm lý giáo dục học **C.** Thể thao **D.** Tất cả các phương án trên

**Câu 10:** Để tìm hiểu về cơ thể người, chúng ta có thể sử dụng phương pháp nào sau đây ?

1. Quan sát tranh ảnh, mô hình… để hiểu rõ đặc điểm hình thái, cấu tạo của các cơ quan trong cơ thể.

2. Tiến hành làm thí nghiệm để tìm ra những kết luận khoa học về chức năng của các cơ quan trong cơ thể.

3. Vận dụng những hiểu biết khoa học để giải thích các hiện tượng thực tế, đồng thời áp dụng các biện pháp vệ sinh và rèn luyện thân thể.

**A.** 1, 2, 3 **B.** 1, 2 **C.** 1, 3 **D.** 2, 3

**CẤU TẠO CƠ THỂ NGUỜI**

**Câu 1:** Các cơ quan trong hệ hô hấp là

**A.** Phổi và thực quản **B.** Đường dẫn khí và thực quản

**C.** Thực quản, đường dẫn khí và phổi **D.** Phổi, đường dẫn khí và thanh quản.

**Câu 2:** Cơ nào dưới đây ngăn cách khoang ngực và khoang bụng

**A.** Cơ liên sườn **B.** Cơ ức đòn chũm **C.** Cơ hoành **D.** Cơ nhị đầu

**Câu 3:** Cơ thể người được chia làm mấy phần? Đó là những phần nào?

**A.** 2 phần: đầu và thân **B.** 3 phần: đầu, thân và các chi

**C.** 3 phần: đầu, thân và chân **D.** 3 phần: đầu, cổ và thân

**Câu 4:** Khi chúng ta bơi cật lực, hệ cơ quan nào dưới đây sẽ tăng cường độ hoạt động?

**A.** Hệ hô hấp **B.** Hệ vận động

**C.** Hệ tuần hoàn **D.** Tất cả các phương án còn lại

**Câu 5:** Da là nơi đi đến của hệ cơ quan nào dưới đây?

**A.** Tất cả các phương án còn lại **B.** Hệ bài tiết

**C.** Hệ tuần hoàn **D.** Hệ thần kinh

**Câu 6:** Khi chạy có những hệ cơ quan nào hoạt động?

1. Hệ tuần hoàn 2. Hệ hô hấp 3. Hệ bài tiết 4. Hệ thần kinh

5. Hệ nội tiết 6. Hệ sinh dục 7. Hệ vận động

Chọn câu trả lời đúng trong các câu sau:

**A.** 1,2,3,4,5,6 **B.** 1, 3,4, 5, 6, 7 **C.** 1,2,3,4,5,7 **D.** 1,2,3,4,6,7

**Câu 7:** Trao đổi chất của cơ thể và môi trường được thực hiện qua

**A.** Hệ tiêu hóa **B.** Hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ bài tiết

**C.** Hệ hô hấp **D.** Hệ tuần hoàn

**Câu 8:** Thanh quản là một bộ phận của

**A.** Hệ bài tiết. **B.** Hệ hô hấp. **C.** Hệ tiêu hóa. **D.** Hệ sinh dục.

**Câu 9:** Thực quản là bộ phận của hệ cơ quan nào sau đây?

**A.** Hệ tuần hoàn **B.** Hệ tiêu hóa **C.** Hệ bài tiết **D.** Hệ hô hấp

**MÔ**

**Câu 1:** Các mô biểu bì có đặc điểm nổi bật nào sau đây?

**A.** Gồm những tế bào trong suốt, có vai trò xử lý thông tin

**B.** Gồm các tế bào chết, hóa sừng, có vai trò chống thấm nước

**C.** Gồm các tế bào xếp sít nhau, có vai trò bảo vệ, hấp thụ hoặc tiết

**D.** Gồm các tế bào nằm rời rạc với nhau, có vai trò dinh dưỡng

**Câu 2:** Khi nói về sự tạo thành xináp, nhận định nào dưới đây là đúng?

1. Được tạo thành giữa đầu mút sợi trục của nơron này với đầu mút sợi nhánh của nơron khác

2. Được tạo thành giữa đầu mút sợi trục của nơron này với đầu mút sợi trục của nơron khác

3. Được tạo thành giữa đầu mút sợi nhánh của nơron này với đầu mút sợi nhánh của nơron khác

4. Được tạo thành giữa đầu mút sợi trục của nơron với cơ quan phản ứng

**A.** 1,4 **B.** 2,3 **C.** 1,3,4 **D.** 2,4

**Câu 3:** Dựa trên cơ sở nào mà người ta phân chia các loại mô chính trong cơ thể?

**A.** Tính chất **B.** Cấu trúc **C.** Cả A và C **D.** Chức năng

**Câu 4:** Cấu tạo sợi nhánh và sợi trục của noron khác nhau căn bản nhất ở điểm nào?

**A.** Sợi nhánh có thể gồm nhiều sợi, sợi trục chỉ gồm một sợi

**B.** Sợi nhánh là loại tua ngắn, sợi trục là loại tua dài

**C.** Sợi trục có bao mielin, sợi nhánh không có

**D.** Xung thần kinh bao giờ cũng đi từ sợi nhánh vào thân noron và từ thân noron ra sợi trục

**Câu 5:** Tế bào cơ trơn và tế bào cơ tim giống nhau ở đặc điểm nào sau đây?

**A.** Hình thoi, nhọn hai đầu **B.** Chỉ có một nhân

**C.** Gắn với xương **D.** Có vân ngang

**Câu 6:** Mô biểu bì có đặc điểm chung là

**A.** Xếp xít nhau phủ ngoài cơ thể hoặc lót trong các cơ quan

**B.** Liên kết các tế bào nằm rải rác trong cơ thể

**C.** Có khả năng co dãn tạo nên sự vận động

**D.** Tiếp nhận kích thích và xử lí thông tin

**Câu 7:** Mô là gì?

**A.** Mô là tập hợp các tế bào chuyên hóa, có hình dạng giống nhau, cùng thực hiện chức năng nhất định

**B.** Mô là tập hợp gồm các tế bào khác nhau, thực hiện chức năng khác nhau

**C.** Mô là tập hợp các tế bào giống nhau, cùng thực hiện một chức năng

**D.** Mô là tập hợp các tế bào chuyên hóa, có cấu trúc giống nhau, cùng thực hiện chức năng nhất định

**Câu 8:** Tế bào cơ trơn và tế bào cơ tim giống nhau ở đặc điểm nào sau đây?

**A.** Chỉ có một nhân **B.** Có vân ngang

**C.** Gắn với xương **D.** Hình thoi, nhọn hai đầu

**Câu 9:** Nơron là tên gọi khác của

**A.** Tế bào xương. **B.** Tế bào thần kinh.

**C.** Tế bào thần kinh đệm. **D.** Tế bào cơ vân.

**Câu 10:** Trong cơ thể người, loại mô nào có chức năng nâng đỡ và là cầu nối giữa các cơ quan?

**A.** Mô cơ **B.** Mô thần kinh **C.** Mô biểu bì **D.** Mô liên kết

**Câu 11:** Máu được xếp vào loại mô gì?

**A.** Mô thần kinh **B.** Mô cơ **C.** Mô biểu bì **D.** Mô liên kết

**Câu 12:** Chức năng co dãn tạo nên sự vận động, đây là chức năng của loại mô nào sau đây?

**A.** Mô liên kết **B.** Mô thần kinh **C.** Mô biểu bì **D.** Mô cơ

**CẤU TẠO VÀ TÍNH CHẤT CỦA XƯƠNG**

 **Câu 1:** Chất khoáng chủ yếu cấu tạo nên xương người là

**A.** Canxi. **B.** Sắt. **C.** Phôtpho. **D.** Magiê.

**Câu 2:** Các nan xương sắp xếp như thế nào trong mô xương xốp?

**A.** Xếp nối tiếp nhau tạo thành các rãnh chứa tủy đỏ

**B.** Xếp thành từng bó và nằm giữa các bó là tủy đỏ

**C.** Xếp theo hình vòng cung và đan xen nhau tạo thành các ô chứa tủy đỏ

**D.** Xếp gối đầu lên nhau tạo ra các khoang xương chứa tủy vàng

**Câu 3:** Ở trẻ em, tủy đỏ là nơi sản sinh

**A.** Đại thực bào. **B.** Tiểu cầu. **C.** Bạch cầu limphô. **D.** Hồng cầu.

**Câu 4:** Ở người già, trong khoang xương có chứa gì?

**A.** Máu **B.** Mỡ **C.** Tủy đỏ **D.** Nước mô

**Câu 5:** Chọn cặp từ thích hợp để điền vào các chỗ trống trong câu sau: Xương to ra về bề ngang là nhờ các tế bào …(1)… tạo ra những tế bào mới đẩy …(2)… và hóa xương.

**A.** (1): mô xương cứng; (2): ra ngoài **B.** (1): màng xương; (2): vào trong

**C.** (1): màng xương; (2): ra ngoài **D.** (1): mô xương xốp; (2): vào trong

**Câu 6:** Ở xương dài của trẻ em, bộ phận nào có chứa tủy đỏ?

**A.** Khoang xương và màng xương **B.** Mô xương xốp và khoang xương

**C.** Màng xương và sụn bọc đầu xương **D.** Mô xương cứng và mô xương xốp

**Câu 7:** Trong xương dài, vai trò phân tán lực tác động thuộc về thành phần nào dưới đây?

**A.** Sụn bọc đầu xương **B.** Mô xương cứng

**C.** Màng xương **D.** Mô xương xốp

**Câu 8:** Thành phần nào dưới đây không có trong cấu tạo của xương ngắn?

**A.** Khoang xương **B.** Mô xương xốp

**C.** Tất cả các phương án đưa ra **D.** Mô xương cứng

**Câu 9:** Ở xương dài, màng xương có chức năng gì?

**A.** Giúp xương dài ra **B.** Giúp dự trữ các chất dinh dưỡng

**C.** Giúp xương phát triển to về bề ngang **D.** Giúp giảm ma sát khi chuyển động

**Câu 10:** Sự mềm dẻo của xương có được là nhờ thành phần nào?

**A.** Nước **B.** Chất khoáng

**C.** Chất cốt giao **D.** Tất cả các phương án đưa ra

**HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ**

**Câu 1:** Khi bị mỏi cơ, chúng ta cần làm gì?

**A.** Nghỉ ngơi hoặc thay đổi trạng thái cơ thể

**B.** Xoa bóp tại vùng cơ bị mỏi để tăng cường lưu thông máu

**C.** Uống nhiều nước lọc

**D.** Cả A và B

**Câu 2:** Hiện tượng mỏi cơ có liên quan mật thiết đến sự sản sinh loại axit hữu cơ nào?

**A.** Axit axêtic **B.** Axit malic **C.** Axit lactic **D.** Axit acrylic

**Câu 3:** Gọi F là lực tác động để một vật di chuyển, s là quãng đường mà vật di chuyển sau khi bị tác động lực thì A – công sản sinh ra sẽ được tính bằng biểu thức:

**A.** A = s/F. **B.** A = F.s **C.** A = F+s **D.** A = F/s.

**Câu 4:** Trong cơ thể người, năng lượng cung cấp cho hoạt động co cơ chủ yếu đến từ đâu?

**A.** Tất cả các phương án đưa ra **B.** Từ sự ôxi hóa các chất dinh dưỡng

**C.** Từ sự tổng hợp vitamin và muối khoáng **D.** Từ quá trình khử các hợp chất hữu cơ

**Câu 5:** Chúng ta thường bị mỏi cơ trong trường hợp nào sau đây?

**A.** Lao động nặng trong gian dài **B.** Giữ nguyên một tư thế trong nhiều giờ

**C.** Tất cả các phương án còn lại **D.** Tập luyện thể thao quá sức

**Câu 6:** Biên độ co cơ có mối tương quan như thế nào với khối lượng của vật cần di chuyển?

**A.** Biên độ co cơ chỉ phụ thuộc vào khối lượng của vật cần di chuyển mà không chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố khác

**B.** Biên độ co cơ không phụ thuộc vào khối lượng của vật cần di chuyển

**C.** Biên độ co cơ tỉ lệ thuận với khối lượng của vật cần di chuyển

**D.** Biên độ co cơ tỉ lệ nghịch với khối lượng của vật cần di chuyển

**Câu 7:** Hoạt động của cơ hầu như không chịu ảnh hưởng bởi yếu tố nào sau đây?

**A.** Trạng thái thần kinh **B.** Màu sắc của vật cần di chuyển

**C.** Nhịp độ lao độn **D.** Khối lượng của vật cần di chuyển

**Câu 8:** Sự mỏi cơ xảy ra chủ yếu là do sự thiếu hụt yếu tố dinh dưỡng nào?

**A.** Ôxi **B.** Nước **C.** Muối khoáng **D.** Chất hữu cơ

**Câu 9:** Để tăng cường khả năng sinh công của cơ và giúp cơ làm việc dẻo dai, chúng ta cần lưu ý điều gì?

**A.** Tắm nóng, tắm lạnh theo lộ trình phù hợp để tăng cường sức chịu đựng của cơ

**B.** Lao động vừa sức

**C.** Thường xuyên luyện tập thể dục thể thao

**D.** Tất cả các phương án còn lại

**Câu 10:** Khi ném quả bóng vào một rổ treo trên cao, chúng ta đã tạo ra

**A.** Lực đẩy. **B.** Lực kéo. **C.** Lực hút. **D.** Phản lực.

**MÁU VÀ MÔI TRƯỜNG TRONG CƠ THỂ**

**Câu 1:** Khả năng vận chuyển khí của hồng cầu có được là nhờ loại sắc tố nào?

**A.** Hêmôerythrin **B.** Hêmôxianin **C.** Hêmôglôbin **D.** Miôglôbin

**Câu 2:** Bạch cầu được phân chia thành mấy loại chính?

**A.** 4 loại **B.** 5 loại **C.** 3 loại **D.** 6 loại

**Câu 3:** Đặc điểm nào dưới đây không có ở hồng cầu người?

**A.** Màu đỏ hồng **B.** Nhiều nhân, nhân nhỏ và nằm phân tán

**C.** Tham gia vào chức năng vận chuyển khí **D.** Hình đĩa, lõm hai mặt

**Câu 4:** Chúng ta sẽ bị mất nhiều nước trong trường hợp nào sau đây?

**A.** Tiêu chảy **B.** Lao động nặng

**C.** Sốt cao **D.** Tất cả các phương án còn lại

**Câu 5:** Khi hồng cầu kết hợp với chất khí nào thì máu sẽ có màu đỏ tươi?

**A.** CO2 **B.** CO **C.** O2 **D.** N2

**Câu 6:** Trong máu, huyết tương chiếm tỉ lệ bao nhiêu về thể tích?

**A.** 60% **B.** 45% **C.** 75% **D.** 55%

**Câu 7:** Nước mô không bao gồm thành phần nào dưới đây?

**A.** Huyết tương **B.** Bạch cầu **C.** Tiểu cầu **D.** Hồng cầu

**Câu 8:** Các tế bào máu ở người được phân chia thành mấy loại chính?

**A.** 5 loại **B.** 4 loại **C.** 3 loại **D.** 2 loại

**Câu 9:** Ở Việt Nam, số lượng hồng cầu trung bình của nam giới là:

**A.** 4,4 – 4,6 triệu/ml máu. **B.** 3,9 – 4,1 triệu/ml máu.

**C.** 5,4 – 5,6 triệu/ml máu. **D.** 4,8 – 5 triệu/ml máu.

**Câu 10:** Trong cơ thể sống, tế bào nằm chìm ngập trong loại dịch nào?

**A.** Nước mô **B.** Máu **C.** Dịch bạch huyết **D.** Dịch nhân

**BẠCH CẦU – MIỄN DỊCH**

**Câu 1:** Trong hệ thống “hàng rào” phòng chống bệnh tật của con người, nếu vi khuẩn, virut thoát khỏi sự thực bào thì ngay sau đó, chúng sẽ phải đối diện với hoạt động bảo vệ của

**A.** Bạch cầu ưa kiềm. **B.** Bạch cầu limphô B.

**C.** Bạch cầu limphô T. **D.** Bạch cầu trung tính.

**Câu 2:** Khi chúng ta bị ong chích thì nọc độc của ong được xem là

**A.** Prôtêin độc. **B.** Chất kháng sinh. **C.** Kháng thể. **D.** Kháng nguyên.

**Câu 3:** Đại thực bào là do loại bạch cầu nào phát triển thành?

**A.** Bạch cầu mônô **B.** Bạch cầu ưa kiềm

**C.** Bạch cầu trung tính **D.** Bạch cầu limphô

**Câu 4:** Khi được tiêm phòng vacxin thuỷ đậu, chúng ta sẽ không bị mắc căn bệnh này trong tương lai. Đây là dạng miễn dịch nào?

**A.** Miễn dịch tập nhiễm **B.** Miễn dịch bẩm sinh

**C.** Miễn dịch nhân tạo **D.** Miễn dịch tự nhiên

**Câu 5:** Loại bạch cầu nào dưới đây tham gia vào hoạt động thực bào?

**A.** Bạch cầu ưa kiềm **B.** Bạch cầu limphô

**C.** Bạch cầu ưa axit **D.** Bạch cầu trung tính

**ĐÔNG MÁU VÀ NGUYÊN TẮC TRUYỀN MÁU**

**Câu 1:** Trong hệ nhóm máu ABO, có bao nhiêu nhóm máu không mang kháng thể anpha?

**A.** 1 **B.** 2 **C.** 3 **D.** 4

**Câu 2:** Trong hệ nhóm máu ABO, khi lần lượt để các nhóm máu truyền chéo nhau thì sẽ có tất cả bao nhiêu trường hợp gây kết dính hồng cầu?

**A.** 7 trường hợp **B.** 3 trường hợp **C.** 2 trường hợp **D.** 6 trường hợp

**Câu 3:** Nhóm máu mang kháng nguyên A có thể truyền được cho nhóm máu nào dưới đây?

**A.** B **B.** AB **C.** O **D.** Tất cả các phương án trên

**Câu 4:** Nhóm máu không mang kháng thể anpha và bêta có thể truyền được cho nhóm máu nào dưới đây?

**A.** O **B.** B **C.** A **D.** AB

**Câu 5:** Khi mạch máu bị nứt vỡ, loại ion khoáng nào dưới đây sẽ tham gia tích cực vào cơ chế hình thành khối máu đông?

**A.** Cl- **B.** Ba2+ **C.** Ca2+ **D.** Na+

**Câu 6:** Vì sao máu nhiễm tác nhân gây bệnh (HIV, virut viêm gan B, virut viêm gan C,…) thì dù có tương thích cũng không nên đem truyền cho người khác?

**A.** Vì nếu truyền máu thì người nhận sẽ bị nhiễm các tác nhân trên và phát sinh những bệnh tương ứng.

**B.** Vì nếu truyền máu thì người nhận sẽ bị kết dính hồng cầu do các tác nhân gây bệnh kích thích sự ngưng kết trong lòng mạch.

**C.** Vì nếu truyền máu thì người nhận sẽ bị sốc phản vệ cho các tác nhân gây bệnh kể trên xâm nhập vào cơ thể.

**D.** Tất cả các phương án còn lại.

**TUẦN HOÀN MÁU VÀ LƯU THÔNG BẠCH HUYẾT**

**Câu 1:** Loại mạch nào dưới đây vận chuyển máu giàu ôxi?

**A.** Động mạch chủ **B.** Động mạch vành tim

**C.** Tất cả các phương án còn lại **D.** Tĩnh mạch phổi

**Câu 2:** Trong hệ bạch huyết của người, phân hệ nhỏ thu bạch huyết ở

**A.** Nửa trên bên phải cơ thể. **B.** Nửa dưới bên phải cơ thể.

**C.** Nửa trên bên trái và phần dưới cơ thể. **D.** Nửa dưới bên phải và phần trên cơ thể.

**Câu 3:** Ở người, loại mạch nào dưới đây vận chuyển máu đỏ thẫm?

**A.** Động mạch phổi **B.** Động mạch cửa gan

**C.** Động mạch đùi **D.** Động mạch cảnh

**Câu 4:** Sự luân chuyển bạch huyết trong hệ bạch huyết (BH) diễn ra theo trình tự như thế nào?

**A.** Mao mạch BH – mạch BH – ống BH – mạch BH – hạch BH – tĩnh mạch

**B.** Mao mạch BH – mạch BH – hạch BH – mạch BH - ống BH – tĩnh mạch

**C.** Mao mạch BH – ống BH – mạch BH – hạch BH – mạch BH – tĩnh mạch

**D.** Mao mạch BH – mạch BH – hạch BH – ống BH – mạch BH – tĩnh mạch

**Câu 5:** Sau khi luân chuyển trong hệ bạch huyết, dịch bạch huyết sẽ được đổ trực tiếp vào bộ phận nào của hệ tuần hoàn?

**A.** Tĩnh mạch đùi **B.** Tĩnh mạch cảnh trong

**C.** Tĩnh mạch thận **D.** Tĩnh mạch dưới đòn

**Câu 6:** Thành phần nào dưới đây có ở cả máu và dịch bạch huyết?

**A.** Huyết tương **B.** Tất cả các phương án còn lại

**C.** Tiểu cầu **D.** Bạch cầu

**Câu 7:** Tâm thất trái nối liền trực tiếp với loại mạch nào dưới đây?

**A.** Tĩnh mạch phổi **B.** Tĩnh mạch chủ **C.** Động mạch phổi **D.** Động mạch chủ

**Câu 8:** Bệnh xơ vữa động mạch có mối liên hệ mật thiết với loại lipit nào dưới đây?

**A.** Phôtpholipit **B.** Ơstrôgen **C.** Côlesterôn **D.** Testosterôn

**Câu 9:** Vòng tuần hoàn lớn không đi qua cơ quan nào dưới đây?

**A.** Não **B.** Dạ dày **C.** Gan **D.** Phổi

**Câu 10:** Tĩnh mạch phổi đổ máu trực tiếp vào ngăn tim nào?

**A.** Tâm thất phải **B.** Tâm nhĩ trái **C.** Tâm nhĩ phải **D.** Tâm thất trái

**VẬN CHUYỂN MÁU QUA HỆ MẠCH – VỆ SINH HỆ TUẦN HOÀN**

**Câu 1:** Ở trạng thái nghỉ ngơi thì so với người bình thường, vận động viên có

**A.** Nhịp tim chậm hơn và lượng máu được bơm vào mỗi ngăn tim lớn hơn.

**B.** Nhịp tim chậm hơn và lượng máu được bơm vào mỗi ngăn tim bé hơn.

**C.** Nhịp tim nhanh hơn và lượng máu được bơm vào mỗi ngăn tim lớn hơn.

**D.** Nhịp tim nhanh hơn và lượng máu được bơm vào mỗi ngăn tim bé hơn.

**Câu 2:** Máu lưu thông trong động mạch là nhờ vào yếu tố nào dưới đây?

**A.** Sự liên kết của dịch tuần hoàn **B.** Sức đẩy của tim

**C.** Sự co dãn của thành mạch **D.** Tất cả các phương án còn lại

**Câu 3:** Loại mạch nào dưới đây không có van?

**A.** Tĩnh mạch mác **B.** Tĩnh mạch chủ dưới

**C.** Tĩnh mạch hiển lớn **D.** Tĩnh mạch chậu

**Câu 4:** Một người được xem là mắc bệnh cao huyết áp khi

**A.** Huyết áp tối thiểu 90 mmHg, huyết áp tối đa > 140 mmHg.

**B.** Huyết áp tối thiểu 120 mmHg, huyết áp tối đa > 160 mmHg.

**C.** Huyết áp tối thiểu 100 mmHg, huyết áp tối đa > 160 mmHg.

**D.** Huyết áp tối thiểu 90 mmHg, huyết áp tối đa > 120 mmHg.

**Câu 5:** Bệnh nào dưới đây có thể gây ra nhiều biến chứng nguy hiểm ở hệ tim mạch?

**A.** Bệnh nước ăn chân **B.** Bệnh tay chân miệng

**C.** Bệnh thấp khớp **D.** Bệnh á sừng

**Câu 6:** Loại đồ ăn nào dưới đây đặc biệt có lợi cho hệ tim mạch?

**A.** Kem **B.** Sữa tươi **C.** Cá hồi **D.** Lòng đỏ trứng gà

**Câu 7:** Huyết áp tối đa đo được khi

**A.** Tâm thất dãn. **B.** Tâm nhĩ dãn. **C.** Tâm nhĩ co. **D.** Tâm thất co.

**Câu 8:** Nhịp tim sẽ tăng lên trong trường hợp nào sau đây?

**A.** Khi bị khuyết tật tim (hẹp hoặc hở van tim, xơ phổi, mạch máu xơ cứng…)

**B.** Khi sử dụng các chất kích thích như thuốc lá, rượu, hêrôin,…

**C.** Tất cả các phương án còn lại

**D.** Khi cơ thể trải qua cú sốc nào đó: sốt cao, mất máu, mất nước hoặc lo lắng, sợ hãi kéo dài

**Câu 9:** Trong hệ mạch máu của con người, tại vị trí nào người ta đo được huyết áp lớn nhất?

**A.** Động mạch cảnh ngoài **B.** Động mạch chủ

**C.** Động mạch phổi **D.** Động mạch thận.

**Câu 10:** Để phòng ngừa các bệnh tim mạch, chúng ta cần lưu ý điều gì?

**A.** Nói không với rượu, bia, thuốc lá, mỡ, nội tạng động vật và thực phẩm chế biến sẵn

**B.** Ăn nhiều rau quả tươi, thực phẩm giàu Omega – 3

**C.** Thường xuyên vận động và nâng cao dần sức chịu đựng

**D.** Tất cả các phương án trên

**HOẠT ĐỘNG HÔ HẤP**

**Câu 1:** Lượng khí cặn nằm trong phổi người bình thường có thể tích khoảng bao nhiêu?

**A.** 500 – 700 ml. **B.** 1200 – 1500 ml. **C.** 800 – 1000 ml. **D.** 1000 – 1200 ml.

**Câu 2:** Dung tích sống trung bình của nam giới người Việt nằm trong khoảng

**A.** 2500 – 3000 ml. **B.** 3000 – 3500 ml. **C.** 1000 – 2000 ml. **D.** 800 – 1500 ml.

**Câu 3:** Trong 500 ml khí lưu thông trong hệ hô hấp của người trưởng thành thì có khoảng bao nhiêu ml khí nằm trong “khoảng chết” (không tham gia trao đổi khí)?

**A.** 150 ml **B.** 50 ml **C.** 200 ml **D.** 100 ml

**Câu 4:** Ở người, một cử động hô hấp được tính bằng

**A.** Một lần hít vào hoặc một lần thở ra. **B.** Một lần hít vào và hai lần thở ra.

**C.** Hai lần hít vào và một lần thở ra. **D.** Một lần hít vào và một lần thở ra.

**Câu 5:** Khi chúng ta hít vào, cơ liên sườn ngoài và cơ hoành sẽ ở trạng thái nào?

**A.** Cơ liên sườn ngoài và cơ hoành đều co **B.** Cơ liên sườn ngoài dãn còn cơ hoành co

**C.** Cơ liên sườn ngoài co còn cơ hoành dãn **D.** Cơ liên sườn ngoài và cơ hoành đều dãn

**Câu 6:** Quá trình trao đổi khí ở người diễn ra theo cơ chế

**A.** Bổ sung. **B.** Khuếch tán. **C.** Thẩm thấu. **D.** Chủ động.

**Câu 7:** Trong quá trình trao đổi khí ở tế bào, loại khí nào sẽ khuếch tán từ tế bào vào máu?

**A.** Khí nitơ **B.** Khí hiđrô **C.** Khí cacbônic **D.** Khí ôxi

**Câu 8:** Hoạt động hô hấp của người có sự tham gia tích cực của những loại cơ nào?

**A.** Cơ ức đòn chũm và cơ hoành **B.** Cơ liên sườn và cơ nhị đầu

**C.** Cơ lưng xô và cơ liên sườn **D.** Cơ liên sườn và cơ hoành

**Câu 9:** Khi luyện thở thường xuyên và vừa sức, chúng ta sẽ làm tăng

**A.** Khoảng chết trong đường dẫn khí. **B.** Lượng khí cặn của phổi.

**C.** Dung tích sống của phổi. **D.** Lượng khí lưu thông trong hệ hô hấp.

**Câu 10:** Khi chúng ta thở ra thì

**A.** Thể tích lồng ngực giảm. **B.** Cơ hoành co.

**C.** Cơ liên sườn ngoài co. **D.** Thể tích lồng ngực tăng.

**TIÊU HÓA VÀ CÁC CƠ QUAN TIÊU HÓA**

**Câu 1:** Tuyến vị nằm ở bộ phận nào trong ống tiêu hoá?

**A.** Dạ dày **B.** Ruột non **C.** Ruột già **D.** Thực quản

**Câu 2:** Cơ quan nào dưới đây không phải là một bộ phận của hệ tiêu hoá?

**A.** Gan **B.** Thanh quản **C.** Thực quản **D.** Dạ dày

**Câu 3:** Trong hệ tiêu hoá ở người, bộ phận nào nằm liền dưới dạ dày?

**A.** Thực quản **B.** Kết tràng **C.** Tá tràng **D.** Hậu môn

**Câu 4:** Chất nào dưới đây hầu như không bị biến đổi trong quá trình tiêu hoá thức ăn?

**A.** Prôtêin **B.** Vitamin **C.** Axit nuclêic **D.** Lipit

**Câu 5:** Trong ống tiêu hoá ở người, vai trò hấp thụ chất dinh dưỡng chủ yếu thuộc về cơ quan nào?

**A.** Ruột thừ **B.** Ruột già **C.** Ruột non **D.** Dạ dày

**Câu 6:** Chất nào dưới đây bị biến đổi thành chất khác qua quá trình tiêu hoá?

**A.** Vitamin **B.** Gluxit **C.** Ion khoáng **D.** Nước

**Câu 7:** Tuyến tiêu hoá nào dưới đây không nằm trong ống tiêu hoá?

**A.** Tuyến vị **B.** Tuyến ruột **C.** Tuyến tuỵ **D.** Tuyến nước bọt

**Câu 8:** Ở người, dịch tiêu hoá từ tuyến tuỵ sẽ đổ vào bộ phận nào?

**A.** Ruột già **B.** Dạ dày **C.** Ruột non **D.** Thực quản

**Câu 9:** Quá trình biến đổi lí học và hoá học của thức ăn diễn ra đồng thời ở bộ phận nào dưới đây?

**A.** Tất cả các phương án còn lại **B.** Dạ dày

**C.** Ruột non **D.** Khoang miệng

**Câu 10:** Qua tiêu hoá, lipit sẽ được biến đổi thành

**A.** Glixêrol và vitamin. **B.** Glixêrol và axit amin.

**C.** Nuclêôtit và axit amin. **D.** Glixêrol và axit béo.

**TIÊU HÓA Ở DẠ DÀY**

**Câu 1:** Từ ngoài vào trong, các cơ của dạ dày sắp xếp theo trật tự như thế nào?

**A.** Cơ chéo – cơ vòng – cơ dọc **B.** Cơ dọc – cơ vòng – cơ chéo

**C.** Cơ dọc – cơ chéo – cơ vòng **D.** Cơ vòng – cơ dọc – cơ chéo

**Câu 2:** Thức ăn được đẩy từ dạ dày xuống ruột nhờ hoạt động nào sau đây?

1. Sự co bóp của cơ vùng tâm vị

2. Sự co bóp của cơ vòng môn vị

3. Sự co bóp của các cơ dạ dày

**A.** 1, 2, 3 **B.** 1, 3 **C.** 2, 3 **D.** 1, 2

**Câu 3:** Thông thường, thức ăn được lưu giữ ở dạ dày trong bao lâu?

**A.** 1 – 2 giờ **B.** 3 – 6 giờ **C.** 6 – 8 giờ **D.** 10 – 12 giờ

**Câu 4:** Trong dịch vị của người, nước chiếm bao nhiêu phần trăm về thể tích?

**A.** 95% **B.** 80% **C.** 98% **D.** 70%

**Câu 5:** Trong dạ dày hầu như chỉ xảy ra quá trình tiêu hoá

**A.** Prôtêin. **B.** Gluxit. **C.** Lipit. **D.** Axit nuclêic.

**Câu 6:** Với khẩu phần đầy đủ chất dinh dưỡng thì sau khi tiêu hoá ở dạ dày, thành phần nào dưới đây vẫn cần được tiêu hoá tiếp tại ruột non?

**A.** Prôtêin **B.** Gluxit

**C.** Tất cả các phương án còn lại **D.** Lipit

**Câu 7:** Tuyến vị nằm ở lớp nào của dạ dày?

**A.** Lớp dưới niêm mạc **B.** Lớp niêm mạc

**C.** Lớp cơ **D.** Lớp màng bọc

**Câu 8:** Trong dạ dày, nhờ sự có mặt của loại axit hữu cơ nào mà pepsinôgen được biến đổi thành pepsin – enzim chuyên hoá với vai trò phân giải prôtêin?

**A.** HNO3 **B.** H2SO4 **C.** HBr **D.** HCl

**Câu 9:** Dạ dày được cấu tạo bởi mấy lớp cơ bản?

**A.** 4 lớp **B.** 3 lớp **C.** 2 lớp **D.** 5 lớp

**Câu 10:** Chất nhày trong dịch vị có tác dụng gì?

**A.** Chứa một số enzim giúp tăng hiệu quả tiêu hoá thức ăn

**B.** Bảo vệ dạ dày khỏi sự xâm lấn của virut gây hại.

**C.** Dự trữ nước cho hoạt động co bóp của dạ dày

**D.** Bao phủ bề mặt niêm mạc, giúp ngăn cách các tế bào niêm mạc với pepsin và HCl.

HỆ HÔ HẤP

**Câu 1.** Bộ phận nào dưới đây không thuộc hệ hô hấp ?

A. Thanh quản      B. Thực quản

C. Khí quản      D. Phế quản

**Câu 2.** Loại sụn nào dưới đây có vai trò đậy kín đường hô hấp khi chúng ta nuốt thức ăn ?

A. Sụn thanh nhiệt

B. Sụn nhẫn

C. Sụn giáp

D. Tất cả các phương án còn lại

**Câu 3.** Khí quản người được tạo thành bởi bao nhiêu vòng sụn khuyết hình chữ C ?

A. 20 – 25 vòng sụn

B. 15 – 20 vòng sụn

C. 10 – 15 vòng sụn

D. 25 – 30 vòng sụn

**Câu 4.** Bộ phận nào dưới đây ngoài chức năng hô hấp còn kiêm thêm vai trò khác ?

A. Khí quản      B. Thanh quản

C. Phổi      D. Phế quản

**Câu 5.** Phổi người trưởng thành có khoảng

A. 200 – 300 triệu phế nang.

B. 800 – 900 triệu phế nang.

C. 700 – 800 triệu phế nang.

D. 500 – 600 triệu phế nang.

**Câu 6.** Trong đường dẫn khí của người, khí quản là bộ phận nối liền với

A. họng và phế quản.

B. phế quản và mũi.

C. họng và thanh quản

D. thanh quản và phế quản.

**Câu 7.** Trong quá trình hô hấp, con người sử dụng khí gì và loại thải ra khí gì ?

A. Sử dụng khí nitơ và loại thải khí cacbônic

B. Sử dụng khí cacbônic và loại thải khí ôxi

C. Sử dụng khí ôxi và loại thải khí cacbônic

D. Sử dụng khí ôxi và loại thải khí nitơ

**Câu 8.** Bộ phận nào của đường hô hấp có vai trò chủ yếu là bảo vệ, diệt trừ các tác nhân gây hại ?

A. Phế quản      B. Khí quản

C. Thanh quản      D. Họng

**Câu 9.** Mỗi lá phổi được bao bọc bên ngoài bởi mấy lớp màng ?

A. 4 lớp      B. 3 lớp

C. 2 lớp      D. 1 lớp

**Câu 10.** Lớp màng ngoài của phổi còn có tên gọi khác là

A. lá thành.      B. lá tạng.

C. phế nang.      D. phế quản.

**Câu 11.** Ở người, một cử động hô hấp được tính bằng

A. hai lần hít vào và một lần thở ra.

B. một lần hít vào và một lần thở ra.

C. một lần hít vào hoặc một lần thở ra.

D. một lần hít vào và hai lần thở ra.

**Câu 12.** Hoạt động hô hấp của người có sự tham gia tích cực của những loại cơ nào ?

A. Cơ lưng xô và cơ liên sườn

B. Cơ ức đòn chũm và cơ hoành

C. Cơ liên sườn và cơ nhị đầu

D. Cơ liên sườn và cơ hoành

**Câu 13.** Khi chúng ta hít vào, cơ liên sườn ngoài và cơ hoành sẽ ở trạng thái nào ?

A. Cơ liên sườn ngoài dãn còn cơ hoành co

B. Cơ liên sườn ngoài và cơ hoành đều dãn

C. Cơ liên sườn ngoài và cơ hoành đều co

D. Cơ liên sườn ngoài co còn cơ hoành dãn

**Câu 14.** Trong quá trình trao đổi khí ở tế bào, loại khí nào sẽ khuếch tán từ tế bào vào máu ?

A. Khí nitơ

B. Khí cacbônic

C. Khí ôxi

D. Khí hiđrô

**Câu 15.** Trong 500 ml khí lưu thông trong hệ hô hấp của người trưởng thành thì có khoảng bao nhiêu ml khí nằm trong “khoảng chết” (không tham gia trao đổi khí) ?

A. 150 ml      B. 200 ml

C. 100 ml      D. 50 ml

**Câu 16.** Quá trình trao đổi khí ở người diễn ra theo cơ chế

A. bổ sung.      B. chủ động.

C. thẩm thấu.      D. khuếch tán.

**Câu 17.** Dung tích sống trung bình của nam giới người Việt nằm trong khoảng

A. 2500 – 3000 ml.

B. 3000 – 3500 ml.

C. 1000 – 2000 ml.

D. 800 – 1500 ml.

**Câu 18.** Lượng khí cặn nằm trong phổi người bình thường có thể tích khoảng bao nhiêu ?

A. 500 – 700 ml.

B. 1200 – 1500 ml.

C. 800 – 1000 ml.

D. 1000 – 1200 ml.

**Câu 19.** Khi chúng ta thở ra thì

A. cơ liên sườn ngoài co.

B. cơ hoành co.

C. thể tích lồng ngực giảm.

D. thể tích lồng ngực tăng.

**Câu 20.** Khi luyện thở thường xuyên và vừa sức, chúng ta sẽ làm tăng

A. dung tích sống của phổi.

B. lượng khí cặn của phổi.

C. khoảng chết trong đường dẫn khí.

D. lượng khí lưu thông trong hệ hô hấp.

**Câu 21.** Chất độc nào dưới đây có nhiều trong khói thuốc lá ?

A. Hêrôin      B. Côcain

C. Moocphin      D. Nicôtin

**Câu 22.** Loại khí nào dưới đây thường gây viêm, sưng lớp niêm mạc, cản trở trao đổi khí và có thể gây chết người khi dùng với liều cao ?

A. N2      B. O2

C. H2      D. NO2

**Câu 23.** Loại khí nào dưới đây có ái lực với hồng cầu rất cao và thường chiếm chỗ ôxi để liên kết với hồng cầu, khiến cơ thể nhanh chóng rơi vào trạng thái ngạt, thậm chí tử vong ?

A. N2      B. CO

C. CO2      D. N2

**Câu 24.** Để bảo vệ phổi và tăng hiệu quả hô hấp, chúng ta cần lưu ý điều nào sau đây ?

A. Đeo khẩu trang khi tiếp xúc với khói bụi hay môi trường có nhiều hoá chất độc hại

B. Thường xuyên luyện tập thể dục thể thao, bao gồm cả luyện thở

C. Nói không với thuốc lá

D. Tất cả các phương án còn lại

**Câu 25.** Hoạt động nào dưới đây góp phần bảo vệ đường hô hấp của bạn ?

A. Tất cả các phương án đưa ra

B. Trồng nhiều cây xanh

C. Xả rác đúng nơi quy định

D. Đeo khẩu trang trong môi trường có nhiều khói bụi

**Câu 26.** Bệnh nào dưới đây được xem là một trong Tứ chứng nan y của nền Y học cổ ?

A. Tiểu đường

B. Ung thư

C. Lao phổi

D. Thống phong

**Câu 27.** Loại khí nào dưới đây không độc hại đối với con người ?

A. N2      B. NO2

C. CO      D. NO

**Câu 28.** Hiệu quả trao đổi khí có mối liên hệ mật thiết với trạng thái và khả năng hoạt động của hệ cơ quan nào ?

A. Hệ tiêu hoá

B. Hệ sinh dục

C. Hệ bài tiết

D. Hệ tuần hoàn

**Câu 29.** Vì sao khi chúng ta hít thở sâu thì sẽ làm tăng hiệu quả hô hấp ?

A. Vì hít thở sâu giúp loại thải hoàn toàn lượng khí cặn và khí dự trữ còn tồn đọng trong phổi, tạo ra khoảng trống để lượng khí hữu ích dung nạp vào vị trí này.

B. Vì khi hít thở sâu thì ôxi sẽ tiếp cận được với từng tế bào trong cơ thể, do đó, hiệu quả trao đổi khí ở tế bào sẽ cao hơn.

C. Vì khi hít vào gắng sức sẽ làm tăng lượng khí bổ sung cho hoạt động trao đổi khí ở phế nang và khi thở ra gắng sức sẽ giúp loại thải khí dự trữ còn tồn đọng trong phổi.

D. Tất cả các phương án còn lại.

**Câu 30.** Thông thường, tỉ lệ khí cacbônic trong không khí hít vào là bao nhiêu ?

A. 0,03%      B. 0,5%

C. 0,46%      D. 0,01%

HỆ TIÊU HÓA

**Câu 1.** Trong ống tiêu hoá ở người, vai trò hấp thụ chất dinh dưỡng chủ yếu thuộc về cơ quan nào ?

A. Ruột thừa      B. Ruột già

C. Ruột non      D. Dạ dày

**Câu 2.** Quá trình biến đổi lí học và hoá học của thức ăn diễn ra đồng thời ở bộ phận nào dưới đây ?

A. Khoang miệng

B. Dạ dày

C. Ruột non

D. Tất cả các phương án còn lại

**Câu 3.** Qua tiêu hoá, lipit sẽ được biến đổi thành

A. glixêrol và vitamin.

B. glixêrol và axit amin.

C. nuclêôtit và axit amin.

D. glixêrol và axit béo.

**Câu 4.** Chất nào dưới đây bị biến đổi thành chất khác qua quá trình tiêu hoá ?

A. Vitamin      B. Ion khoáng

C. Gluxit      D. Nước

**Câu 5.** Tuyến tiêu hoá nào dưới đây không nằm trong ống tiêu hoá ?

A. Tuyến tuỵ

B. Tuyến vị

C. Tuyến ruột

D. Tuyến nước bọt

**Câu 6.** Mỗi ngày, một người bình thường tiết khoảng bao nhiêu ml nước bọt ?

A. 1000 – 1500 ml

B. 800 – 1200 ml

C. 400 – 600 ml

D. 500 – 800 ml

**Câu 7.** Cơ quan nào đóng vai trò chủ yếu trong cử động nuốt ?

A. Họng      B. Thực quản

C. Lưỡi      D. Khí quản

**Câu 8.** Tuyến nước bọt lớn nhất của con người nằm ở đâu ?

A. Hai bên mang tai

B. Dưới lưỡi

C. Dưới hàm

D. Vòm họng

**Câu 9.** Thành phần nào dưới đây của thức ăn hầu như không bị tiêu hoá trong khoang miệng ?

A. Tất cả các phương án còn lại

B. Lipit

C. Vitamin

D. Nước

**Câu 10.** Sự kiện nào dưới đây xảy ra khi chúng ta nuốt thức ăn ?

A. Tất cả các phương án còn lại

B. Khẩu cái mềm hạ xuống

C. Nắp thanh quản đóng kín đường tiêu hoá

D. Lưỡi nâng lên

**Câu 11.** Trong dạ dày hầu như chỉ xảy ra quá trình tiêu hoá

A. prôtêin.

B. gluxit.

C. lipit.

D. axit nuclêic.

**Câu 12.** Chất nhày trong dịch vị có tác dụng gì ?

A. Bảo vệ dạ dày khỏi sự xâm lấn của virut gây hại.

B. Dự trữ nước cho hoạt động co bóp của dạ dày

C. Chứa một số enzim giúp tăng hiệu quả tiêu hoá thức ăn

D. Bao phủ bề mặt niêm mạc, giúp ngăn cách các tế bào niêm mạc với pepsin và HCl.

**Câu 13.** Thông thường, thức ăn được lưu giữ ở dạ dày trong bao lâu ?

A. 1 – 2 giờ

B. 3 – 6 giờ

C. 6 – 8 giờ

D. 10 – 12 giờ

**Câu 14.** Thức ăn được đẩy từ dạ dày xuống ruột nhờ hoạt động nào sau đây ?

1. Sự co bóp của cơ vùng tâm vị

2. Sự co bóp của cơ vòng môn vị

3. Sự co bóp của các cơ dạ dày

A. 1, 2, 3

B. 1, 3

C. 2, 3

D. 1, 2

**Câu 15.** Với khẩu phần đầy đủ chất dinh dưỡng thì sau khi tiêu hoá ở dạ dày, thành phần nào dưới đây vẫn cần được tiêu hoá tiếp tại ruột non ?

A. Tất cả các phương án còn lại

B. Lipit

C. Gluxit

D. Prôtêin

**Câu 16.** Lớp cơ của thành ruột non được cấu tạo từ mấy loại cơ ?

A. 1 loại      B. 4 loại

C. 3 loại      D. 2 loại

**Câu 17.** Dịch ruột và dịch mật đổ vào bộ phận nào của ống tiêu hoá ?

A. Tá tràng

B. Manh tràng

C. Hỗng tràng

D. Hồi tràng

**Câu 18.** Trong các bộ phận dưới đây, quá trình tiêu hoá thức ăn về mặt hoá học diễn ra mạnh mẽ nhất ở bộ phận nào ?

A. Hồi tràng

B. Hỗng tràng

C. Dạ dày

D. Tá tràng

**Câu 19.** Trong ống tiêu hoá ở người, dịch ruột được tiết ra khi nào ?

A. Khi thức ăn chạm lên niêm mạc dạ dày

B. Khi thức ăn chạm lên niêm mạc ruột

C. Khi thức ăn chạm vào lưỡi

D. Tất cả các phương án còn lại

**Câu 20.** Độ axit cao của thức ăn khi xuống tá tràng chính là tín hiệu

A. đóng tâm vị.

B. mở môn vị.

C. đóng môn vị.

D. mở tâm vị.

**Câu 21.** Trong ống tiêu hoá của người, vai trò hấp thụ chất dinh dưỡng thuộc về bộ phận nào ?

A. Dạ dày      B. Ruột non

C. Ruột già      D. Thực quản

**Câu 22.** Đặc điểm nào của ruột non giúp chúng tăng hiệu quả hấp thụ chất dinh dưỡng ?

A. Hệ thống mao mạch máu và mao mạch bạch huyết dày đặc, phân bố tới từng lông ruột

B. Lớp niêm mạc gấp nếp, trên đó là các mào với lông ruột dày đặc giúp làm tăng diện tích bề mặt ruột non lên

C. Kích thước rất dài (2,8 – 3 mét)

D. Tất cả các phương án còn lại

**Câu 23.** Có khoảng bao nhiêu phần trăm lipit được vận chuyển theo con đường máu ?

A. 70%      B. 40%

C. 30%      D. 50%

**Câu 24.**Loại vitamin nào dưới đây được vận chuyển theo con đường bạch huyết về tim ?

A. Vitamin

B. Vitamin E

C. Vitamin C

D. Tất cả các phương án còn lại

**Câu 25.** Tại ruột già xảy ra hoạt động nào dưới đây ?

A. Hấp thụ lại nước

B. Tiêu hoá thức ăn

C. Hấp thụ chất dinh dưỡng

D. Nghiền nát thức ăn

**Câu 26.** Vi khuẩn Helicobacter pylori – thủ phạm gây viêm loét dạ dày – kí sinh ở đâu trên thành cơ quan này ?

A. Lớp dưới niêm mạc

B. Lớp niêm mạc

C. Lớp cơ

D. Lớp màng bọc

**Câu 27.** Biện pháp nào dưới đây giúp làm tăng hiệu quả tiêu hoá và hấp thụ thức ăn ?

A. Tạo bầu không khí thoải mái, vui vẻ khi ăn

B. Ăn đúng giờ, đúng bữa và hợp khẩu vị

C. Tất cả các phương án còn lại

D. Ăn chậm, nhai kĩ

**Câu 28.** Loại vi khuẩn nào dưới đây kí sinh trên ống tiêu hoá của người ?

A. Vi khuẩn lao

B. Vi khuẩn thương hàn

C. Vi khuẩn giang mai

D. Tất cả các phương án còn lại

**Câu 29.** Loại thức uống nào dưới đây gây hại cho gan của bạn ?

A. Rượu trắng

B. Nước lọc

C. Nước khoáng

D. Nước ép trái cây

**Câu 30.** Biện pháp nào dưới đây giúp cải thiện tình trạng táo bón

1. Ăn nhiều rau xanh

2. Hạn chế thức ăn chứa nhiều tinh bột và prôtêin

3. Uống nhiều nước

4. Uống chè đặc

A. 2, 3

B. 1, 3

C. 1, 2

D.1, 2, 3

CHƯƠNG VI. TRAO ĐỔI CHẤT VÀ NĂNG LƯỢNG – BÀI TIẾT - DA

Câu 1. Chuyển hóa cơ bản là

A. năng lượng tiêu dùng khi cơ thể ở trạng thái lao động cật lực.

B. năng lượng tích lũy khi cơ thể ở trạng thái lao động cật lực.

C. năng lượng tích lũy khi cơ thể ở trạng thái hoàn toàn nghỉ ngơi.

D. năng lượng tiêu dùng khi cơ thể ở trạng thái hoàn toàn nghỉ ngơi.

Câu 2. Khi lao động nặng cơ thể sẽ tỏa nhiệt bằng cách nào?

1. Dãn mạch máu dưới da . 2. Run. 3. Vã mồ hôi. 4. Sởn gai ốc.

A. 1,3 B. 1,2,3 C. 3,4 D. 1,2,4

Câu 3. Hệ cơ quan nào đóng vai trò chủ đạo trong hoạt động điều hòa than nhiệt?

A. Hệ tuần hoàn. B. Hệ nội tiết. C. Hệ bài tiết D. Hệ thần kinh.

Câu 4. Trung khu điều hòa sự tăng giảm của nhiệt độ cơ thể nằm ở đâu?

A. Hạch thần kinh. B. Dây thần kinh. C. Tủy sống. D. Não bộ.

Câu 5. Loại muối khoáng nào là thành phần không thể thiếu của hoocmôn tuyến giáp?

A. Kẽm. B. Sắt. C. Iốt. D. Đồng.

Câu 6. Khẩu phần ăn là lượng thức ăn cung cấp cho cơ thể trong

|  |  |
| --- | --- |
| A. một đơn vị thời gian. | B. một tuần. |
| C. một bữa. | D. một ngày. |

Câu 7. Trong quá trình trao đổi chất ở tế bào, khí cacbônic sẽ theo mạch máu tới bộ phận nào ra ngoài?

A. Phổi. B. Dạ dày. C. Thận. D. Gan.

Câu 8. Trong quá trình trao đổi chất, máu và nước mô sẽ cung cấp cho tế bào những gì?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Khí ôxi và chất thải. | B. Khí cacbônic và chất thải. |
| C. Khí ôxi và chất dinh dưỡng. | D. Khí cacbônic và chất dinh dưỡng. |

Câu 9. Trong quá trình trao đổi chất ở cấp độ tế bào, trừ khí cacbônic, các sản phẩm phân hủy sẽ được thải vào môi trường trong và đưa đến

|  |  |
| --- | --- |
| A. cơ quan sinh dục. | B. cơ quan hô hấp. |
| C. cơ quan tiêu hóa. | D. cơ quan bài tiết. |

Câu 10. Bộ phận nào có vai trò dẫn nước tiểu từ bể thận xuống bóng đái?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Ống dẫn nước tiểu. | B. Ống thận. |
| C. Ống đái. | D. Ống góp. |

Câu 11. Trong thận bộ phận nào dưới đây nằm chủ yếu ở phần tủy?

A. Ống thận. B. Ống góp. C. Nang cầu thận. D. Cầu thận.

Câu 12. Cầu thận được tạo thành bởi

A. một chuỗi các tĩnh mạch thận xếp nối tiếp nhau.

B. hệ thống các động mạch thận xếp xen kẽ nhau.

C. một búi mao mạch dày đặc.

D. một búi mạch bạch huyết có kích thước bé.

Câu 13. Thành phần nào dưới đây của nước tiểu đầu sẽ được hấp thụ lại?

A. Amôniac. B. Crêatin. C. Axit uric. D. Nước.

Câu 14. Trong quá trình lọc máu ở thận, các chất đi qua lỗ lọc nhờ

A. sự vận chuyển chủ động của các kênh ion trên màng lọc.

B. sự chênh lệch áp suất giữa hai bên màng lọc.

C. sự co dãn linh hoạt của các lỗ lọc kèm hoạt động của prôtêin xuyên màng.

D. lực liên kết của dòng chất lỏng cuốn các chất đi qua lỗ lọc.

Câu 15. Trong cấu tạo của da người, các sắc tố melanin phân bố ở đâu?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Tầng tế bào sống. | B. Tầng sừng. |
| C. Tuyến nhờn. | D. Tuyến mồ hôi. |

Câu 16. Lớp mỡ dưới da có vai trò chủ yếu là gì?

A. Dự trữ đường.

B. Thu nhận kích thích từ môi trường ngoài.

C. Cách nhiệt.

D. Vận chuyển chất dinh dưỡng.

Câu 17. Thành phần nào dưới đây không nằm ở lớp bì?

ATuyến nhờn. B. Mạch máu. C. Sắc tố da. D. Thụ quan.

Câu 18. Hoạt động của bộ phận nào giúp da luôn mềm mại và không bị thấm nước?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Thụ quan. | B. Tuyến mồ hôi. |
| C. Tuyến nhờn. | D. Tầng tế bào sống. |

Câu 19. Cảm giác nóng, lạnh ta có được trên da là do hoạt động chức năng của thành phần nào mang lại?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Thụ quan. | B. Mạch máu. |
| C. Tuyến mồ hôi. | D. Cơ co chân lông. |

Câu 20. Vì sao trong khẩu phần ăn, chúng ta nên chú trọng đến rau và hoa quả tươi?

1. Vì những loại thức ăn này chứa nhiều chất xơ, giúp cho hoạt động tiêu hóa và hấp thụ thức ăn được dễ dàng hơn.

2. Vì những loại thực phẩm này cung cấp đầy đủ ttaats cả các nhu cầu dinh dưỡng cần thiết của con người.

3. Vì những loại thực phẩm này giúp bổ sung vitamin và khoáng chất, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động chuyển hóa vật chất và năng lượng của cơ thể.

A. 1,2,3 B. 1,2 C. 1,3 D. 2,3

Câu 21. Nhu cầu dinh dưỡng của con người phụ thuộc vào những yếu tố nào sau đây?

1. Giới tính. 2. Độ tuổi. 3. Hình thức lao động. 4. Trạng thái sinh lí của cơ thể

A. 1,2,3,4 B. 1,2,3 C. 1,2,4 D. 2,3,4